

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ - ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tư

2. Bà Phạm Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc: **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T II, xã IG (thị trấn IK, huyện IG cũ), tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 06, xã G (xã G, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2025, bản tự khai ngày 23 tháng 6 năm 2025, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Đỗ Thanh T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau thời gian chung sống, chị và anh T không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên uống rượu

bia, có lời nói xúc phạm và đánh chị. Nhận thấy chung sống không hòa hợp, chị đã chuyển về nhà cha mẹ để sống, sau đó đi làm xa nhà được một thời gian nên anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Đỗ Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Thanh T không có con chung

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Thanh T:

Anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để anh T trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai có ý kiến về thủ tục tố tụng cũng như nội dung vụ án như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhận dân thành phố P nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Đỗ Thanh T, việc chấp hành theo pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Thanh T. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 16 tháng 7 năm 2018. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 8,9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, chị Nguyễn Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đỗ Thanh T, bị đơn anh T cư trú trên địa bàn xã G nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để anh trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Lộc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quá trình xác minh, chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẫn gia đình giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Thanh T. Tuy nhiên, từ lời khai của chị Lộc cùng thực tế anh chị không cùng chung sống cho thấy giữa chị Lộc và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng đến mức anh chị không thể tiếp tục duy trì hôn nhân. Theo đó việc quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng không thể thực hiện được và cuộc hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại về mặt pháp lý.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Thanh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Lộc được ly hôn với anh Đỗ Thanh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Thanh T không có con chung

Về vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đỗ Thanh T

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001790 ngày 23 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát khu vực 7 - Gia Lai;
 - Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
 - Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Gia Lai
- (Chứng nhận kết hôn số 22 ngày 16/7/2018 của UBND xã G, thành phố P);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy